CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG HMC GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG HMC GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HMC GROUP ARCHITECTURAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HMC GROUP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108378527

3. Ngày thành lập: 27/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 2, ngõ 22, phố Đỗ Quang, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Dạy nghề	*8532*
2.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	*1050*
3.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	*1075*
4.	Dịch vụ liên quan đến in	*1812*
5.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	*2392*
6.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	*2394*
7.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	*2395*
8.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	*2396*
9.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
10.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
11.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*
12.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ dược phẩm)	*4772*
13.	Thoát nước và xử lý nước thải	*3700*
14.	Xây dựng nhà các loại	*4100(Chính)*
15.	Phá dỡ	*4311*
16.	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
17.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
18.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
19.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*

20.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
21.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	*4511*
22.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	*4512*
23.	Bán buôn gạo	*4631*
24.	Bán buôn đồ uống	*4633*
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	*4661*
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt thép(không kinh doanh vàng).	*4662*
27.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
28.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4774*
29.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
30.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	*6311*
31.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	*7110*
32.	Điều hành tua du lịch	*7912*
33.	Dịch vụ đóng gói	*8292*
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	*8299*
35.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	*9521*
36.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	*9522*
37.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	*9524*
38.	Khai thác quặng sắt	*0710*
39.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
40.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	*1010*
41.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	*1020*
42.	Chế biến và bảo quản rau quả	*1030*
43.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	*1079*
44.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
45.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
46.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*
47.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
48.	In ấn	*1811*
49.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	*2393*
50.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
51.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	*3600*
52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	*4322*

53.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
54.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản cáo bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản	*6820*
55.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	*7120*
56.	Quảng cáo	*7310*
57.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	*7320*
58.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
59.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7920*
60.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	*8129*
61.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
62.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
63.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
65.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*4659*
66.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
67.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	*4669*
68.	Bán buôn tổng hợp	*4690*
69.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
70.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*
71.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	*4723*
72.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
73.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4742*
74.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
75.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4753*
76.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	*4763*

77.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Không kinh doanh vàng); Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;	*4773*
78.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
79.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;	*4932*
80.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
81.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
82.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
83.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
84.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*5610*
85.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	*5621*
86.	Lập trình máy vi tính	*6201*
87.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
88.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	*7730*
89.	Đại lý du lịch	*7911*
90.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	*8219*
91.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
92.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
93.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*4620*
94.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
95.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	*4641*
96.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	*6312*

97.	Hoạt động tư vấn quản lý	*7020*
98.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	*7410*
99.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
100.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	*8560*
101.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	*9511*
102.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
103.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
104.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
105.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
106.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	*3315*
107.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*
108.	Tái chế phế liệu	*3830*
109.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	*4210*
110.	Xây dựng công trình công ích	*4220*
111.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4290*
112.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	*4513*
113.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*
114.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	*4530*
115.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	*4541*
116.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
117.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	*4543*
118.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới ((không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài).	*4610*
119.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	*4649*

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN QUANG TÚ	Xóm 4, Xã Hưng Yên Nam, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	50,000	186776076	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	50,000		
2	NGUYỄN THỊ MẦN	Xóm 1, Xã Đức Yên, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	184065858	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		
3	NGUYỄN TẤT ANH	Xóm 2, Xã Nam Xuân, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	186221309	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN QUANG TÚ Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *05/10/1990* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *186776076*

Ngày cấp: *29/10/2013* Nơi cấp: *Công An tỉnh Nghệ An*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 4, Xã Hưng Yên Nam, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 4, Xã Hưng Yên Nam, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội